TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2023
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P
TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lê Phong

2. Ông Nguyễn Văn Đô

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Thùy Chi – Cán bộ Tòa án nhân thành phố P

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P: Bà Cao Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 146/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 338/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1973

Địa chỉ: 10/2A Phan Đình Phùng, khu phố 5, pH Đức Nghĩa, thành phố P, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1971

Địa chỉ: 108 Trương Văn Ly, Khu phố 7 pH Đức Long, thành phố P, tỉnh B

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Nguyễn Tuấn H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND pH Đức Long, thành phố P, tỉnh B, theo giấy chứng nhận kết hôn số 193/2003 ngày 14/11/2003. Trong quá trình chung sống bà và ông H không hợp nhau tH xuyên cãi vã, do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2018 đến nay. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thành H, sinh 11/10/2004. Hiện nay cháu đã trưởng thành quá 18 tuổi và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên Tòa bị đơn ông Nguyễn Tuấn H vắng mặt.*

Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 7, pH Đức Long, thành phố P, Tòa án đã thông báo cho ông H biết việc bà H yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông vẫn bỏ mặc không đến Tòa, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: "Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử" theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông H có nơi cư trú tại Khu phố 7, pH Đức Long, thành phố P, tỉnh B. Căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H về việc "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P.

[2] Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Nguyễn Tuấn H là hợp pháp vì ông bà chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND pH Đức Long, thành phố

P, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 193/2003 ngày 14/11/2003. Trong quá trình chung sống giữa bà H và ông H phát phát sinh mâu thuẫn theo bà cho rằng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng H hay xảy ra bất hòa nhau, không hòa hợp với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Khi Tòa án thông báo cho ông H biết việc bà H xin ly hôn với ông nhưng ông H vẫn bỏ mặc không quan tâm đến.

Tại phiên toà hôm nay vẫn không có mặt ông H chứng tỏ, ông H đã khước từ quyền tham gia tố tụng của mình, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt ông H là phù hợp, đảm bảo quyền chính đáng, hợp pháp cho bà H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Nguyễn Tuấn H đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường Đức Long, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 193/2003, ngày 14/11/2003. Qua tự khai và phần trình bày của bà H tại phiên tòa HĐXX nhận thấy đời sống chung của vợ chồng bà H và ông H không được hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Bà H và ông H hiện đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nhận thấy việc bà Nguyễn Thị Xuân H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Tấn H là hoàn toàn chính đáng .Từ những nhận định trên yêu cầu xin ly hôn của bà H thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 nên yêu cầu xin ly hôn của bà H được chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông, bà có 01 con chung Nguyễn Thành H, sinh 11/10/2004. Hiện nay cháu đã trưởng thành quá 18 tuổi và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân H là nguyên đơn nên pH chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu quan điểm vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn. Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Thành H, sinh 11/10/2004. Hiện nay cháu đã trưởng thành quá 18 tuổi và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xét. Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hợp lý nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/<u>Áp dụng</u>:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/<u>Tuyên xử</u>:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân H được ly hôn ông Nguyễn Tuấn H.

Về con chung: Ông, bà có 01 con chung Nguyễn Thành H, sinh 11/10/2004. Hiện nay cháu đã trưởng thành quá 18 tuổi và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân H pH nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0015533 ngày 15/3/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P thu. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Quyền kháng cáo bản án của bà Nguyễn Thị Xuân H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/8/2023). Quyền kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp.P;
- Chi cục THA dân sự TP.P;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Dũng